



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 107 /TBHH-TCTBĐATHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của khu vực đón trả hoa tiêu
tại Nha Trang (2 vùng)

KHA - 05 - 2024

Vùng biển: Tỉnh Khánh Hòa

Tên luồng: Luồng hàng hải Nha Trang

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu HTNT_2405_01, HTNT_2405_02 tỷ lệ 1/5000
đo đạc hoàn thành tháng 5/2024, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng
hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm
an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của khu vực đón trả hoa
tiêu tại Nha Trang (2 vùng) như sau:

Trong phạm vi khảo sát (2 vùng) đón trả hoa tiêu tại Nha Trang gồm phía Bắc
và phía Nam, độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính
đến mực nước “số 0 Hải đồ” như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát vùng đón trả hoa tiêu phía Bắc được giới hạn bởi
đường tròn có đường kính 01 hải lý và tâm tại vị trí có tọa độ như sau

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
V1	12°14'57,7"N	109°13'53,5"E	12°14'54,0"N	109°14'00,0"E

Độ sâu đạt 14,8 m.

2. Trong phạm vi khảo sát vùng đón trả hoa tiêu phía Nam được giới hạn bởi
đường tròn có đường kính 01 hải lý và tâm tại vị trí có tọa độ như sau

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
V2	12°09'51,7"N	109°15'29,5"E	12°09'48,0"N	109°15'36,0"E

Độ sâu đạt 17,9 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền hành hải trong khu vực đón trả hoa tiêu tại Nha Trang căn cứ
thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn.

Tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Nha Trang;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII;
- Cty TNHH MTV TT Điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT & QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

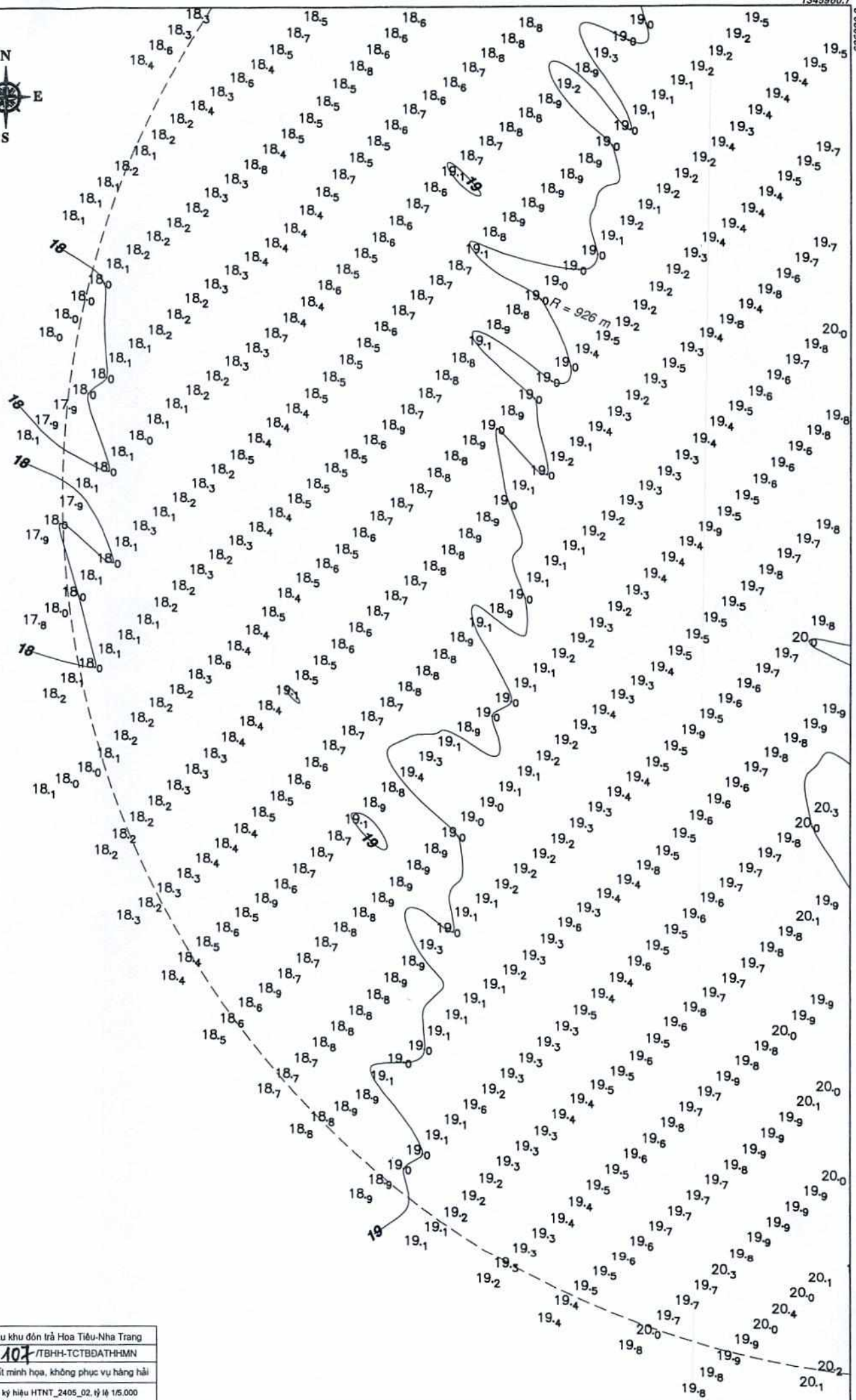


Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|--|---|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 11 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) |
| 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển Việt Nam | 12 Cty Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển |
| 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip) |
| 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO) |
| 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP |
| - Liên danh Việt – Nga Vietsovetpetro (VSP) | 16 Bộ đội Biên phòng tỉnh Khánh Hòa |
| - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 17 Sở GTVT và Sở NN&PTNT tỉnh Khánh Hòa |
| - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP) | 18 Trường Đại học GTVT TP,HCM |
| - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans) | 19 Trường Cao đẳng Hàng hải II |
| - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping) | 20 Cty CP Cảng Sài Gòn |
| - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam | 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp,Hồ Chí Minh |
| 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) | 22 Đài thông tin Duyên hải Nha Trang |
| 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO | 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng |
| 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex | 24 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) | 25 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ |
| - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO) | 26 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container) | 27 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE) | |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế | |
| - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang | |
| - Cty Vận tải Biển Bắc | |
| 10 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) | |





IG
ẢO ĐÀ
ANG H
AM
RIAVU

Vị trí các điểm độ sâu khu đón trả Hoa Thieu-Nha Trang
 Kèm theo TBHH số: 107 /TBHH-TCTBDATH-MN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu HTNT_2405_02, tỷ lệ 1/5.000
 1344499.4



15,1 15,3 15,4 15,2 15,2 15,2 15,2 15,4 15,3 15,3 15,6 15,4 15,3 15,4 15,3 15,3 15,5 15,5 15,4 15,5 15,5

15,2 15,2 15,2 15,3 15,2 15,2 15,3 15,3 15,3 15,4 15,4 15,6 15,4 15,4 15,4 15,4 15,4 15,5 15,6 15,5 15,5

15,2 15,2 15,2 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,4 15,3 15,4 15,4 15,4 15,4 15,4 15,5 15,5 15,5 15,5 15,5 15,6

15,2 15,4 15,3 15,3 15,6 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,6 15,6 15,4 15,4 15,4 15,4 15,5 15,4 15,5 15,4 15,4 15,3 15,5 15,4 15,7 15,4

15,3 15,2 15,3 15,3 15,3 15,4 15,3 15,3 15,3 15,4 15,4 15,4 15,3 15,6 15,4 15,4 15,4 15,4 15,4 15,4 15,5 15,3 15,4 15,4 15,3 15,3 15,3 15,3 15,2 15,2 15,2

15,2 15,2 15,2 15,3 15,3 15,3 15,3 15,7 15,3 15,3 15,4 15,4 15,4 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,2 15,2 15,2 15,1 15,1 15,1 15,1 15,1 15,1 15,1 15,0 15,1 15,2 15,1 15,0

15,2 15,2 15,2 15,3 15,3 15,2 15,4 15,2 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,2 15,4 15,1 15,2 15,1 15,1 15,1 15,0 15,1 15,0 15,1 15,1 15,1 15,1 15,1 15,1

15,0 15,2 15,7 15,4 15,3 15,2 15,3 15,7 15,2 15,3 15,2 15,2 15,4 15,2 15,2 15,3 15,2 15,2 15,1 15,1 15,1 15,1 15,1 15,1 15,0 15,1 15,0 15,1 15,0 15,0 15,0 15,1 15,1 15,1 15,1

15,2 15,3 15,3 15,3 15,3 15,3 15,2 15,3 15,4 15,3 15,3 15,3 15,3 15,2 15,2 15,0 14,9 14,9 14,9 15,0 14,9 14,9 15,3 15,0 15,1 15,1 15,0 15,1 15,1 15,1 15,1 15,2 15,1 15,2 15,3 15,6

15,1 15,0 15,3 15,3 15,3 15,2 15,3 15,3 15,3 15,2 15,2 15,3 15,2 15,1 15,0 14,9 14,9 14,9 14,8 14,8 14,9 14,9 15,1 15,0 15,0 15,1 15,1 15,1 15,1 15,1 15,5 15,2 15,5 15,2 15,2 15,2

15,1 15,1 14,9 15,2 15,4 15,3 15,2 15,2 15,1 15,1 15,0 15,0 15,0 14,9 14,8 14,9 14,9 14,8 14,9 15,0 15,0 15,3 15,0 15,0 15,0 15,1 15,0 15,1 15,1 15,1 15,1 15,6 15,2 15,3 15,2 15,2 15,3

15,1 15,2 15,4 15,1 15,1 15,0 15,1 15,2 15,1 15,0 15,2 14,9 15,0 14,9 14,9 14,9 15,1 15,0 15,0 15,3 15,0 15,0 15,0 15,1 15,3 15,1 15,2 15,2 15,2 15,7 15,3 15,2 15,2 15,3 15,4

15,2 15,0 15,1 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 14,9 15,0 15,0 15,0 15,1 15,0 15,0 15,0 15,1 15,1 15,0 15,0 15,1 15,1 15,5 15,1 15,1 15,2 15,2 15,6 15,2 15,3 15,2 15,4 15,3

14,9 14,9 14,9 15,0 15,0 15,0 15,0 14,9 15,0 15,0 15,0 15,2 15,0 15,0 15,0 15,0 14,9 15,0 15,0 15,2 15,0 15,0 15,4 15,2 15,1 15,2 15,1 15,3 15,2 15,2 15,2 15,3 15,4 15,6 15,4 15,4 15,5

15,0 14,9 14,9 15,3 14,9 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,1 15,0 15,1 15,1 15,1 15,1 15,2 15,2 15,2 15,2 15,3 15,3 15,3 15,4 15,4 15,4 15,5 15,4 15,5

14,9 14,9 14,9 14,9 14,9 15,0 15,2 15,0 15,1 15,0 15,0 15,0 15,0 15,3 15,1 15,0 15,0 15,0 15,1 15,2 15,1 15,1 15,2 15,2 15,3 15,3 15,6 15,3 15,4 15,4 15,4 15,5 15,5 15,6 15,5 15,6

15,1 15,0 14,9 15,1 15,0 15,1 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,0 15,1 15,1 15,2 15,4 15,1 15,1 15,1 15,2 15,2 15,2 15,2 15,3 15,3 15,4 15,3 15,4 15,6 15,6 15,5 15,5 15,6 15,6 15,6 15,7

Vị trí các điểm độ sâu khu đón trả Hoa Tiêu-Nhà Trang

Kèm theo TBHH số: 102/TBHH-TCTĐATHHMM

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu HTNT_2405_01, tỷ lệ 1/5.000

15,0 15,0 15,1 15,1 15,1 15,2 15,2 15,2 15,2 15,5 15,2 15,2 15,3 15,3 15,3 15,4 15,4 15,4 15,5 15,5 15,6 15,6 15,6 15,7 15,7 15,7